

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự,
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Gia Thắng;

2. Ông Trần Quốc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 09/02/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Quách Văn TN, sinh năm 1936, nơi cư trú: Số 89, khóm C, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Liên Hương, sinh năm 1957, nơi cư trú: số 43x, khóm C, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang; có mặt.

Chỗ ở hiện nay: khóm 8, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thành HN, sinh năm 1956, nơi cư trú: Tổ 3, khóm 1, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư X, luật sư Văn phòng Hùng Đức thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang; có mặt.

Địa chỉ: Số 368x, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Quách Văn TN có cho ông Lê Thành HN vay tiền nhiều năm khoảng năm 2011, mục đích ông HN vay dùng để làm từ thiện, trị bệnh. Khi vay ông HN có trả vốn và lãi cho ông nhiều lần; hai bên thỏa thuận lãi 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay không có lập văn bản gì.

Đến năm 2016 thì ông TN và ông HN có tổng kết nợ lại với nhau ông HN có nợ ông TN số tiền 870.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, mục đích vay dùng để làm từ thiện (xây dựng thánh thất Cao Đài K) và trị bệnh. Khi kết sổ thì có lập biên nhận ngày 15/4/2016. Ông TN có nhắc nhở ông HN trả nợ nhiều lần nhưng không được, từ năm 2016 đến nay thì ông HN không trả vốn, lãi cho ông TN.

Nay vì tình nghĩa anh em quen biết đã lâu nên ông TN yêu cầu ông HN trả số tiền 870.000.000 (*tám trăm bảy mươi triệu*) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính văn bản thể hiện nội dung ông HN có mượn của ông TN (Thẹn) số tiền 870.000.000 đồng; có ông TN và ông HN ký tên ngày 15/4/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Thành HN trình bày: Ông HN có vay tiền của ông TN nhiều lần từ nhiều năm, mục đích vay để trị bệnh. Năm 2016 ông có kết sổ lại với ông TN số tiền 870.000.000 đồng. Ông HN có trả vốn và lãi nhiều lần cho ông TN, ông HN có ghi sổ của ông nhưng từ khi dịch bệnh đến nay thì ngưng trả vốn, lãi.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ. Ấn định cho ông HN cung cấp chứng cứ về việc đã trả vốn, lãi cho ông TN trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 13/5/2022. Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Ngày 11/7/2022 ông HN có nộp các văn bản gồm: Đơn tường trình ngày 30/6/2022 ông HN còn nợ ông TN số tiền 180.000.000 đồng; Đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu ngày 30/6/2022; Đơn xin miễn tiền án phí ngày 30/6/2022; Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/7/2022. Các đơn của ông HN được Tòa án công bố nội dung tại phiên tòa. Nguyên đơn không đồng ý về việc ông HN cho rằng đã trả nợ và còn lại số tiền 180.000.000 đồng.

Tại phiên tòa,

- Bị đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt.

- Đại diện nguyên đơn bà Hương trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông HN trả số tiền 870.000.000 (*tám trăm bảy mươi triệu*) đồng, không yêu cầu tính lãi; không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì thêm.

- Nguyên đơn ông TN bổ sung ý kiến: Cho bị đơn ông HN trả mỗi tháng 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng cho đến khi hết nợ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho ông HN các vấn đề như sau:

+ Số tiền còn nợ lại ông TN là 180.000.000 đồng bởi vì việc vay tiền của ông HN và ông TN diễn ra từ năm 2011 chưa rõ ràng về vốn, lãi cho vay đến năm 2016 mới ký lại biên nhận ngày 15/4/2016. Mặt khác ông TN là người hay quên nên từ năm 2016 đến khi khởi kiện mà chưa trả vốn, lãi lần nào là vô lý vì trước đây có khi ông HN có trả cho ông TN rồi mà ông TN quên phải nhắc lại nhiều lần ông TN mới nhớ.

+ Xem xét miễn án phí cho ông HN vì ông HN đã trên 60 tuổi theo quy định.

+ Xem xét về thời hiệu khởi kiện, từ năm 2016 đến nay là hơn 03 năm do đó đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định, nên trong trường hợp này là đòi tài sản số tiền 870.000.000 đồng và không tính lãi.

+ Xem xét cho ông HN xin vắng mặt tham gia xét xử vì ông HN bị bệnh tim phải đi trị bệnh.

Ông HN không có chứng cứ gì khác để cung cấp cho Tòa án; không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được pHN công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng việc vay nợ của các bên trên cơ sở tự nguyện, có hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông HN vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay. Do đó ông TN khởi kiện yêu cầu ông HN trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 870.000.000 đồng cho nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của bị đơn về xem xét thời hiệu khởi kiện thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án phía ông HN đã thừa nhận số tiền nợ ông TN 870.000.000 đồng mặc dù sau đó ông có thay đổi lời khai cho rằng chỉ còn nợ 180.000.000

đồng nhưng căn cứ Điều 157 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án được bắt đầu lại nên không có cơ sở xem xét thời hiệu của bị đơn.

Từ các pHN tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Lê Thành HN, ông HN có nơi cư trú tại thành phố K, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nHN dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu áp dụng thời hiệu thấy rằng: Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ngày 13/5/2022 bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần đến năm 2016 mới kết sổ lại với nhau, bị đơn còn nợ 870.000.000 đồng. Căn cứ Điều 157 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại, vì vậy yêu cầu xem xét thời hiệu của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Luật sư đề nghị cho bị đơn được vắng mặt xét xử vì lý do để trị bệnh. Xét bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận đề nghị của Luật sư và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[4] Về xác lập hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ vay:

Xét văn bản ngày 15/4/2016 có nội dung ông HN vay của ông Thện (TN) số tiền 870.000.000 đồng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Bị đơn cho rằng có trả nợ vốn và lãi cho nguyên đơn, hiện chỉ còn 180.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ xem xét.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng bị đơn vay tiền nhưng không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc ông HN trả cho ông TN số tiền 870.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về phương thức trả nợ của các đương sự thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có yêu cầu được trả mỗi tháng 6.000.000 đồng; nguyên đơn cho bị đơn trả mỗi tháng 100.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu trả 01 lần. Do đó phương thức trả nợ của các đương sự sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Quách Văn TN được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Quách Văn TN, sinh năm 1936, có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn ông Lê Thành HN có nghĩa vụ trả nợ số tiền 870.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 38.100.000 đồng.

Xem xét yêu cầu của Luật sư đề nghị miễn án phí cho bị đơn thấy rằng: Bị đơn ông Lê Thành HN, sinh năm 1956, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên đề nghị của Luật sư là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Lê Thành HN.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 157, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Văn TN.

Buộc ông Lê Thành HN trả cho ông Quách Văn TN số tiền 870.000.000 (tám trăm, bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Quách Văn TN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Thành HN được miễn án phí dân sự sơ thẩm số tiền 38.100.000 (ba mươi tám triệu, một trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn ông Quách Văn TN, đại diện của nguyên đơn bà Trần Thị Liên Hương có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nHN dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Lê Thành HN là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Trần Thị Phương